

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD6 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200805 - V k thu t x ấ y d ng H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031091	36CXD6	V ấ ấ nh C ấ ng Tu n Anh	23/12/1994				4.0			4.0	1.2	5.4	3.8	5.0	
2	3671031254	36CXD6	Tr n Trung Cang	26/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3671031212	36CXD6	Lê Quang C u	18/10/1994				6.0			6.0	1.8	6.1	4.3	6.1	
4	3671031117	36CXD6	Nguy n V ấ ấ C ng	20/09/1994				7.2			7.2	2.2	5.4	3.8	5.9	
5	3671031576	36CXD6	Tr n Minh C ng	26/11/1994				5.6			5.6	1.7	3.4	2.4	4.1	
6	3671031187	36CXD6	Hà Quang Duy	27/07/1994				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
7	3671031089	36CXD6	L ấ ấ nh ấ ấ ấ	20/10/1994				0.0			0.0	0.0	5.3	3.7	3.7	N HP
8	3671031088	36CXD6	B ấ i V ấ ấ ấ nh	05/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3671031121	36CXD6	Nguy n Thanh H i	24/01/1994				6.3			6.3	1.9	7.2	5.0	6.9	
10	3671031231	36CXD6	Nguy n Th H i	20/10/1994				7.2			7.2	2.2	5.4	3.8	5.9	
11	3671031227	36CXD6	Bùi Xuân H i	16/02/1994							0.0	0.0	0	0.0		BL
12	3671031125	36CXD6	Huỳnh V ấ ấ Huy	16/10/1994				9.1			9.1	2.7	8.5	6.0	8.7	
13	3671031873	36CXD6	Phan Huy	13/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
14	3671031179	36CXD6	Tr n Quang Huy	20/10/1994				4.0			4.0	1.2	5.6	3.9	5.1	
15	3671031186	36CXD6	Nguy n Th Hùng	15/05/1994				8.6			8.6	2.6	9.0	6.3	8.9	
16	3671031154	36CXD6	Nguy n Kh c Khang Nguy ấ n	14/03/1993				3.7			3.7	1.1	4.7	3.3	4.4	
17	3671031185	36CXD6	Huỳnh Nh t Khuê	10/11/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
18	3671031236	36CXD6	Th i V ấ ấ Lâm	15/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3671032022	36CXD6	H Tr n Lâm	21/09/1994				6.9			6.9	2.1	5.6	3.9	6.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200805 - V k thu t x ấ y d ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3671031230	36CXD6	Nguy n Ho ấ ng	L ấ m	23/11/1994				9.7			9.7	2.9	8.4	5.9	8.8	
21	3671031577	36CXD6	Nguy n Th ấ nh	Long	11/08/1992				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	N HP
22	3671031142	36CXD6	ấ ng H u	L c	11/09/1994				5.5			5.5	1.7	4.1	2.9	4.5	
23	3671031253	36CXD6	Tr n Xu ấ n	Minh	02/04/1994				8.6			8.6	2.6	7.7	5.4	8.0	
24	3671031268	36CXD6	Tr n Ho ấ	Nam	23/03/1994				10.0			10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
25	3671031129	36CXD6	Nguy n V ấ nh	Ninh	05/06/1994				8.5			8.5	2.6	6.2	4.3	6.9	
26	3671031241	36CXD6	H Tr ấ	Ngh ấ	18/04/1994				8.7			8.7	2.6	7.9	5.5	8.1	
27	3671032047	36CXD6	Nguy n H u	Ngh ấ	28/03/1994				5.5			5.5	1.7	3.1	2.2	3.8	
28	3671031177	36CXD6	V ồ Quang Minh	Nh t	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
29	3671031174	36CXD6	Nguy n V ấ nh	Pha	20/06/1993				6.8			6.8	2.0	4.6	3.2	5.3	
30	3671031099	36CXD6	Nguy n Ho ấ ng	Phú	24/12/1994				7.2			7.2	2.2	7.1	5.0	7.1	
31	3671031130	36CXD6	Lê Hoàng	Phúc	04/09/1994				7.3			7.3	2.2	5.4	3.8	6.0	
32	3671031958	36CXD6	Ho ấ ng Nh t	Ph ng	20/04/1993				7.4			7.4	2.2	7.8	5.5	7.7	
33	3671031126	36CXD6	ấ ồ T n	Quân	12/06/1994				1.5			1.5	0.5	5.1	3.6	4.0	
34	3671031595	36CXD6	Nguy n Ng c	Quy n	30/08/1993				5.0			5.0	1.5	5.9	4.1	5.6	
35	3671031181	36CXD6	Nguy n V ấ nh	Quy n	12/08/1994				5.3			5.3	1.6	0.0	0.0	1.6	
36	3671031096	36CXD6	Tr n Do ấ n ấ t	Quy n	20/05/1991				6.3			6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
37	3671031086	36CXD6	Nguy n Minh	Quý	23/12/1993				5.7			5.7	1.7	3.9	2.7	4.4	
38	3671031257	36CXD6	V ấ Ng c	Sáng	04/10/1994				8.5			8.5	2.6	6.8	4.8	7.3	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD6 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122067200805 - V k thu t x^a y d ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031214	36CXD6	Nguy n ấ c Tài	28/08/1994				7.1			7.1	2.1	5.4	3.8	5.9	
40	3671031232	36CXD6	Ph m T n Tài	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
41	3671031122	36CXD6	Ngô Bình Tâm	28/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
42	3671031164	36CXD6	Bùi Minh Tì n	04/02/1994				7.7			7.7	2.3	7.1	5.0	7.3	
43	3671031160	36CXD6	L ² ấ nh T nh	05/03/1994				8.4			8.4	2.5	5.9	4.1	6.7	
44	3671031261	36CXD6	Nguy n S B Tu n	10/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
45	3671031260	36CXD6	V ½ H ng Tu t	20/02/1994				5.0			5.0	1.5	6.3	4.4	5.9	
46	3671031264	36CXD6	ấ Vi t Th ng	30/05/1993				6.0			6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
47	3671031166	36CXD6	V y L ² Th Th c	26/10/1993				5.3			5.3	1.6	1.5	1.1	2.6	
48	3671031248	36CXD6	Ph m Minh Trí	06/11/1994				0.0			0.0	0.0	3.2	2.2	2.2	
49	3671031252	36CXD6	L ² V ấ Nh Trung	09/03/1993				8.4			8.4	2.5	7.3	5.1	7.6	
50	3671031228	36CXD6	L ² ấ Ho ấ ng Vi t	19/06/1993				9.3			9.3	2.8	6.4	4.5	7.3	
51	3671031175	36CXD6	ấ T n Ý	19/01/1993				8.5			8.5	2.6	4.5	3.2	5.7	

T ng s : 51 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vi² n B M ấ n

Gi o V Khoa